

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày 19-5-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Lập;

Bà Đặng Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh DBL, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị LTDD, sinh năm 1996; nơi cư trú: Số 131 D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh DBL có đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 3 năm 2022 yêu cầu Toà án giải quyết cho anh và chị LTDD được ly hôn và trình bày:

Anh và chị LTDD kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, quận F, thành phố Hải Phòng ngày 23 tháng 4 năm 2019. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại nhà bố mẹ vợ ở địa chỉ số 131 D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống anh chị đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống dẫn đến rạn nứt trong quan hệ vợ chồng, mặc dù anh chị đã được họ hàng hai bên động viên, khuyên nhủ nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ đầu năm 2020 anh DBL

vào Khánh Hòa làm ăn sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó đến nay, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, anh DBL làm đơn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn với chị LTTD.

Về con chung: Anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị LTTD tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, chị LTTD có bản tự khai trình bày thống nhất với anh DBL về thời gian, điều kiện kết hôn, tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị như anh DBL trình bày là đúng. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Đến nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị cũng đồng ý ly hôn với anh DBL. Về con chung: Anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại địa phương và gia đình bị đơn thể hiện: Mâu thuẫn giữa anh DBL và chị LTTD là có thật, nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống. Từ đầu năm 2020 đến nay anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi. Địa phương và gia đình bị đơn đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa anh DBL vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi Tòa án, anh DBL vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa chị LTTD có mặt và vẫn giữ nguyên các ý kiến như đã trình bày tại bản tự khai gửi Tòa án.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu ,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho anh DBL được ly hôn chị LTTD. Về con chung: Anh DBL và chị LTTD không có con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Do anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 131 D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn có mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân : Anh DBL và chị LTTD kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, quận F, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, biên bản ghi ý kiến của gia đình bị đơn, biên bản xác minh tại Tổ dân phố nơi anh DBL, chị LTTD chung sống sau khi kết hôn thấy quá trình chung sống giữa anh DBL và chị LTTD có phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau. Khoảng từ đầu năm 2020 đến nay anh chị sống ly thân mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Như vậy có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa anh DBL và chị LTTD là có thật. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh DBL và chị LTTD đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Anh DBL và chị LTTD không có con chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản chung : Anh DBL và chị LTTD tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về án phí: Anh DBL phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh DBL được ly hôn chị LTTD.
2. Về con chung: Anh DBL và chị LTTD không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung: Do hai bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí: Anh DBL phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009617, ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Anh DBL đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo:
Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.
Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường E, F;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Phương